ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3174 /QĐ-UBND	*TP. Bắc Kạn, ngày 28 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Phương án sản xuất vụ Xuân năm 2022

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 về sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương;

Căn cứ Quyết định số 2426/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Phương án sản xuất vụ Xuân năm 2022;

Xét đề nghị của Phòng Kinh thành phố Bắc Kạn tại Tờ trình số 334/TTr-KT ngày 24 tháng 12 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án sản xuất vụ Xuân năm 2022 thành phố Bắc Kạn, có Phương án chi tiết kèm.

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, Hạt Kiểm lâm thành phố chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan và UBND các xã, phường tổ chức thực hiện Phương án sản xuất vụ Xuân năm 2022 theo đúng nội dung Phương án được duyệt và quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND-UBND thành phố, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế, Giám đốc Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp, Hạt Kiểm lâm thành phố, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
Gửi bản điện tử:
- Như Điều 3;
- TT Thành uỷ, HĐND TP;
- Lãnh đạo UBND TP;
- Lưu: VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Diệp

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN
SẢN XUẤT VỤ XUÂN NĂM 2022

(Kèm theo QĐ số: 3174/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND thành phố Bắc Kạn)

Để chủ động trong công tác chỉ đạo sản xuất nông lâm nghiệp vụ Xuân năm 2022, UBND thành phố xây dựng phương án sản xuất vụ Xuân năm 2022 với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP NĂM 2021

1. Trồng trọt

1.1. Cây lương thực có hạt

Diện tích cây lương thực có hạt 849,34/830 ha đạt 102,3% KH; dự ước sản lượng lương thực có hạt năm 2021 đạt 4.236/4.080 tấn, đạt 101% KH, bằng 96% so với cùng kỳ năm 2021. Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa 17,37/25 ha đạt 69% KH bằng 64% so với cùng kỳ; duy trì diện tích đã chuyển đổi từ năm 2018 - 2020 là 38/35 đạt 108% KH.

1.2. Công tác cung ứng giống

Công tác cung ứng giống vật tư nông nghiệp đã đáp ứng được yêu cầu sản xuất, phần lớn diện tích được trồng giống lúa, ngô theo cơ cấu chỉ đạo, được công nhận và được phép sản xuất kinh doanh theo quy định, cụ thể:

Vụ xuân có 23 giống lúa, trong đó giống lúa trong cơ cấu chỉ đạo là 09 giống chiếm 90% diện tích gieo cấy; giống ngô có 14 giống, trong đó các giống trong cơ cấu chỉ đạo là 08 giống chiếm 77,6% diện tích gieo trồng.

Vụ mùa có 21 giống lúa, trong đó giống trong cơ cấu chỉ đạo là 10 giống chiếm 93,9% diện tích gieo cấy; giống ngô có 15 giống, trong đó giống trong cơ cấu chỉ đạo là 06 giống chiếm 96,8% diện tích gieo trồng.

1.3. Các chỉ tiêu khác

- Cây rau, đậu các loại: Thực hiện cả năm được 239,11/180 ha, đạt 133% KH, bằng 177% so với cùng kỳ năm trước. Năng suất ước đạt 118,94/100 tạ/ha đạt 119% KH. Sản lượng ước đạt 2.844/1.800 tấn, bằng 158% KH, bằng 178% so với cùng kỳ năm trước.

- Cây đậu đỗ: thực hiện đạt 13,47/10 ha đạt 135% KH. Năng suất ước đạt 14,16/13 tạ/ha, đạt 109% KH, tăng 25% so với cùng kỳ. Sản lượng ước đạt 19,07/13 tấn đạt 147% KH, bằng 113% so với cùng kỳ.

- *Cây chất bột:*

+ Cây khoai lang: Diện tích thực hiện 6,25/5 ha đạt 125% KH, tăng 25% so với cùng kỳ. Năng suất ước đạt 85,97/80 tạ/ha, đạt 107% KH và bằng 101% so với cùng kỳ. Sản lượng ước đạt là 53,73/40 tấn, đạt 134% KH và bằng 127% so với cùng kỳ.

+ Cây khoai môn: diện tích thực hiện 2,02/5 ha đạt 40% KH. Năng suất ước đạt 84,54/85 tạ/ha, đạt 99% KH và 104% so với cùng kỳ. Sản lượng ước đạt 17/43 tấn, đạt 40% KH và bằng 21% so với cùng kỳ.

- Cây lạc: Diện tích thực hiện 2,82/5 ha đạt 56% KH, bằng 47% so với cùng kỳ năm trước. Năng suất ước đạt 17,31/18 tạ/ha, đạt 95% KH. Sản lượng ước đạt là 5,19/9 tấn, đạt 57% KH và bằng 48% so với cùng kỳ năm trước.

- Cây nghệ: diện tích thực hiện đạt 51/50 ha, đạt 102% KH, bằng 59% so với cùng kỳ. Năng suất ước đạt 220,10/200 tạ/ha, đạt 110% KH, bằng 100% so với cùng kỳ. Sản lượng ước đạt 1.122/1.000 tấn, đạt 112% KH, bằng 59% so với cùng kỳ.

- Cây chè: Diện tích cho thu hoạch duy trì 30/30 ha đạt 100% KH *(trong đó chè búp là 14,50ha)*. Năng suất ước đạt 38,2/39 tạ/ha, đạt 98% KH và bằng 100% so với cùng kỳ. Sản lượng ước đạt 114,6/117 tấn, đạt 97% KH và bằng 97% so với cùng kỳ.

- Cây ăn quả:

+ Cây cam: Diện tích hiện có 28,82/15 ha đạt 192% KH, trong đó diện tích trồng mới 0,9ha, diện tích cho thu hoạch là 13,48/14ha, đạt 96% KH. Năng suất ước đạt 94,80/82tạ/ha, đạt 116% KH và bằng 114% so với cùng kỳ. Sản lượng ước đạt là 128 tấn, đạt 111% KH và bằng 111% so với cùng kỳ.

+ Cây quýt: Diện tích hiện có 54,45/60 ha đạt 91% KH, trong đó diện tích trồng mới 0,2 ha, diện tích cho thu hoạch là 49,10/ 50ha đạt 98% KH. Năng suất ước đạt 85,46/81 tạ/ha, đạt 106% KH và 98% so với cùng kỳ. Sản lượng ước đạt 419,61/405 tấn, đạt 104% KH và bằng 96% so với cùng kỳ.

+ Cây hồng không hạt: Diện tích hiện có là 16,32/20ha đạt 82% KH, diện tích cho thu hoạch là 8,6/10 ha bằng 72% KH, bằng 86% so với cùng kỳ. Năng suất ước đạt 57 tạ/ha, bằng 95% KH và 99% so với cùng kỳ. Sản lượng ước đạt là 49 tấn, đạt 68% KH và bằng 86% so với cùng kỳ.

+ Cây mơ: Diện tích hiện có 93,11/119ha đạt 76% KH, trong đó diện tích trồng mới 10,60ha, diện tích cho thu hoạch là 37,90/50 ha bằng 76% KH. Năng suất đạt 64/64 tạ/ha, đạt 100% KH và 103% so với cùng kỳ. Sản lượng ước đạt là 243/320 tấn, bằng 76% KH và bằng 110% so với cùng kỳ.

+ Cây mận: Diện tích hiện có 1,01/3 ha bằng 34% KH, diện tích cho thu hoạch 0,8/3ha, đạt 27% KH. Năng suất ước đạt 63,8 tạ/ha, đạt 99% KH và 100% so với cùng kỳ. Sản lượng ước đạt là 5,10/19 tấn, đạt 27% KH và bằng 84% so với cùng kỳ.

+ Cây chuối: Diện tích hiện có 100,86/170 ha, đạt 59,3% KH, trong đó diện tích cho thu hoạch 99,54/170 ha bằng 59% KH. Năng suất ước đạt 94,12/120tạ/ha, đạt 78% KH và bằng 100% so với cùng kỳ. Sản lượng ước đạt 937/2.040 tấn, đạt 46% KH và bằng 85% so với cùng kỳ.

- Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa: 17,37/25 ha đạt 9% KH, bằng 64% so với cùng kỳ.

- Duy trì diện tích chuyển cơ cấu trên đất trồng lúa: 38/35 ha đạt 108% KH.

- Diện tích đất canh tác đạt thu nhập trên 100 triệu đồng/ha/năm, thực hiện được 211/210 ha, đạt 100,4% KH, bằng 102% so với cùng kỳ.

1.4. Tình hình sâu, bệnh hại và công tác phòng trừ

Vụ xuân năm 2021, các đối tượng sâu bệnh hại chủ yếu gồm: Ốc bươu vàng, bọ rầy, bệnh đạo ôn, bệnh đốm sọc vi khuẩn, sâu đục thân,...gây hại trên cây lúa; sâu keo mùa thu, bệnh đốm lá, bệnh khô vằn gây hại trên cây ngô; bệnh thán thư gây hại cây hồng không hạt... các phòng, ban chuyên môn và UBND các xã, phường đã tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện biện pháp phòng, trừ sinh vật gây hại góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất. Một số đối tượng, diện tích gây hại thấp hơn so với cùng kỳ năm trước như: Sâu keo mùa thu hại cây ngô; bệnh thán thư hại cây hồng không hạt...

2. Chăn nuôi, thuỷ sản

2.1. Chăn nuôi

- Tổng đàn Trâu, bò, ngựa: 983/905 con đạt 108% KH, bằng 115% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

+ Trâu 414/400 con, bằng 103,5% KH, bằng 107% so với cùng kỳ.

+ Bò 154/160 con, đạt 86,67% KH, bằng 104% so với cùng kỳ.

+ Ngựa 13/15 con, đạt 86,6% KH, bằng 130 % so với cùng kỳ

+ Số xuất bán, giết thịt trâu, bò, ngựa: 402/330 con, đạt 121% KH, bằng 131% so với cùng kỳ.

- Tổng đàn dê 1.267/1.370 con, đạt 92% KH, bằng 161% so với cùng kỳ, trong đó:

+ Số dê hiện có: 611/800 con, đạt 76% KH, bằng 93% so với cùng kỳ năm trước.

+ Số dê xuất bán giết thịt: 656/570 con, đạt 115% KH, bằng 529% so với cùng kỳ.

- Tổng đàn Lợn: 23.434/23.000 con, đạt 101% KH, bằng 86% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

+ Đàn lợn hiện có: 4.932/6.000 con, đạt 82% KH, bằng 92% so với cùng kỳ.

+ Số con xuất bán, giết thịt: 18.502/17.000 con đạt 108% KH, bằng 84% so với cùng kỳ.

- Tổng đàn gia cầm: 260.409/223.800 con, đạt 116% KH,bằng 102% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

+ Đàn gia cầm hiện có: 103.235/100.000 con, đạt 103% KH, bằng 97% so với cùng kỳ.

+ Số con xuất bán, giết thịt: 157.174/123.800 con đạt 127% KH, bằng 106% so với cùng kỳ.

- Tổng đàn chó, mèo: Hiện có 5.781 con.

- Tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi: Năm 2021, tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn có diễn biến phức tạp, cụ thể giữa tháng 4 đầu tháng 5/2021 trên đàn Trâu, Bò và Lợn có xuất hiện dịch bệnh cụ thể:

+ Trên đàn bò xuất hiện bệnh Viêm da nổi cục tại phường Huyền Tụng, có 04 bò bị mắc, đã được điều trị và hồi phục sức khỏe.

+ Trên đàn Lợn xuất hiện dịch bệnh Dịch tả lợn Châu phi từ giữa tháng 4 đến thời điểm tháng 9, 10/2021 cơ bản đã được kiềm chế và hết dịch. Tuy nhiên đến tháng 11/2021 dịch lại xuất hiện trở lại tại xã Nông Thượng. Tính đến ngày 20/11/2021 đã tiêu hủy 875 con = 37.023 kg, trong đó lợn nái 147 con = 19.169 kg; lợn thịt 405 con = 15.727 kg; lợn con 323 con = 2.127 kg.

2.2. Thủy sản

- Thủy sản: Diện tích 51,33/55 ha bằng 93% KH, bằng 92% so với cùng kỳ. Năng suất ước đạt 21,50 tạ/ha, đạt 100% KH. Sản lượng ước đạt 110,3/118 tấn, đạt 93%KH, bằng 105% so với cùng kỳ.

3. Lâm nghiệp

Diện tích trồng rừng năm 2021 vượt 25% chỉ tiêu giao, cụ thể:

- Đối với rừng phân tán đã thực hiện trồng đạt 20,6/20 ha, đạt 103% KH, bằng 28% so với cùng kỳ.

- Đối với trồng rừng sau khai thác đã trồng được 154,40/120ha đạt 129% KH, bằng 113% so với cùng kỳ.

Đầu năm, do tình hình dịch bệnh Covid - 19, thành phố Bắc Kạn không tổ chức Lễ phát động tết trồng cây xuân Tân Sửu 2021, nhưng các hộ dân đã chủ động trồng được 5.000 các loại cây ăn quả như: Đào, mận, quất, chanh, cam...

Thực hiện Chương trình trồng một tỷ cây xanh - Vì một Việt Nam xanh, UBND thành phố phối hợp Sở Nông nghiệp & PTNT tổ chức Lễ phát động trồng cây xanh và trồng được 400 cây; hiện nay đang triển khai kế hoạch Chương trình trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn thành phố.

Thực hiện cấp phát gạo cho đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 1916/QĐ-TTg ngày 25/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ là 1.125 kg, với 5 hộ, 15 nhân khẩu.

4. Tình hình thiên tai

Trong năm 2021, trên địa bàn thành phố đã xảy ra 04 đợt mưa dông lớn gây thiệt hại về nhà cửa, hoa màu, tổng ước thiệt hại khoảng 1.443,750 triệu đồng. Phòng đã chủ tham mưu các văn bản công tác khắc phục, đồng thời tổng hợp phê duyệt danh sách và mức hỗ trợ cho các hộ gia đình bị thiệt hại về cây trồng, nhà ở gửi tỉnh thẩm định cấp kinh phí hỗ trợ theo quy định với số tiền là **302,66** triệu đồng, trong đó:

- Về nhà ở: Hỗ trợ 72,88 triệu đồng tại Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của UBND thành phố, cho 28 hộ bị ảnh hưởng.

- Các hộ dân bị thiệt hại nặng về nhà cửa, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn đã trực tiếp thăm, động viên và tặng quà; Bộ tư lệnh Quân khu I tặng 10 xuất quà trị giá 20 triệu đồng; UBND thành phố đã hỗ cho 01 hộ chính sách số tiền 15 triệu đồng.

- Về giao thông, các công trình: xử lý ngập úng cục bộ tại một số tuyến đường nội thị; hót đất sạt lở đất taluy dương… số tiền 150 triệu đồng.

- Về nông nghiệp: Hỗ trợ sản xuất do bị ngập úng diện tích 18,37 ha lúa, rau màu, cây lâm nghiệp, cây ăn quả, thủy sản, số tiền 44,78 triệu đồng.

5. Đánh giá chung

- Sản xuất nông nghiệp diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi, năng suất cây trồng đạt khá; mặc dù dịch bệnh trên đàn vật nuôi diễn biến phức tạp và lây lan, nhưng đã được khống chế khôi phục sản xuất.

- Việc chuyển đổi cây trồng, giống vật nuôi, sử dụng đất có hiệu quả hơn. Sản phẩm ngày càng nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí, mang lại hiệu quả kinh tế trong sản xuất, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài tỉnh.

- Cơ giới hóa trong sản xuất ngày càng được đẩy mạnh như: Làm đất, chăm sóc, thu hoạch, vận chuyển, sơ chế bảo quản,... Các hoạt động dịch vụ, phục vụ sản xuất được tăng cường, triển khai thực hiện tốt dịch vụ tưới, tiêu đảm bảo đủ nước cho gieo cấy và chăm sóc cây trồng, hệ thống phân phối dịch vụ về vật tư, giống, phân bón, thuốc BVTV đến người dân đảm bảo yêu cầu cho sản xuất.

- Công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn ngày càng được người dân chú trọng, đẩy mạnh và phát triển, các hành vi vi phạm được lực lượng Kiểm lâm phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh, đúng quy định, không để tồn đọng, kéo dài thành điểm nóng.

- Công tác chỉ đạo điều hành, hỗ trợ sản xuất có nhiều đổi mới, sáng tạo, huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị chỉ đạo, hỗ trợ người dân thi đua phát triển sản xuất. Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, các chương trình, dự án tiếp tục được thực hiện và có vai trò tích cực trong hỗ trợ sản xuất hàng hóa, xây dựng chuỗi sản xuất liên kết với nhiều sản phẩm phong phú, đặc trưng, được thị trường ưa chuộng.

- Người dân đã chủ động chuyển đổi một số diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng khác theo nhu cầu thị trường, có giá trị kinh tế cao hơn, như: Rau, đậu, cây ăn quả,...

II. PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT VỤ XUÂN NĂM 2022

1. Nhận định những thuận lợi, khó khăn

1.1. Thuận lợi

- Các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông, lâm nghiệp của cấp trên được triển khai thực hiện có hiệu quả, từng bước hình thành các chuỗi liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.

- Các công trình thủy lợi đã và đang được cải tạo và nâng cấp, đảm bảo nước tưới phục vụ cho sản xuất vụ Xuân năm 2022; cơ giới hóa trong sản xuất tiếp tục được áp dụng trong nhiều khâu; công tác cung ứng giống, vật tư phục vụ sản xuất được đảm bảo.

- Công tác phòng, chống thiên tai được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện, ý thức của người dân về công tác phòng, chống thiên tai ngày càng được nâng cao.

- Công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện triển khai sản xuất được chủ động, quyết liệt; người dân tích cực và chủ động trong sản xuất.

- Các hình thức tổ chức sản xuất như hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại phát triển mạnh, hình thành chuỗi liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm

1.2. Khó khăn

- Công tác phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi còn gặp nhiều khó khăn như: Một số xã, phường chưa chỉ đạo quyết liệt trong công tác phát triển chăn nuôi, phòng, chống dịch bệnh; Chính phủ chưa ban hành cơ chế, chính sách, hỗ trợ; chưa có vắc xin phòng bệnh và thuốc điều trị; việc tái đàn khôi phục sản xuất gặp nhiều khó khăn, giá lợn giống cao, giá lợn hơi thấp,...

- Dịch bệnh Covid-19 bùng phát ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, cụ thể: Giá vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi liên tục tăng cao; các hoạt động giao thương mua, bán sản phẩm nông nghiệp, hoạt động vận chuyển hàng hóa bị hạn chế do áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch; ...

- Tỷ lệ tiêm phòng một số loại vắc xin cho đàn vật nuôi chưa đạt so với kế hoạch đề ra do các hộ chăn nuôi chưa có ý thức trong công tác phòng, chống dịch bệnh, chưa chấp hành việc tiêm phòng vắc xin cho đàn vật nuôi.

- Đất đai manh mún nhỏ lẻ là yếu tố hạn chế khi triển khai sản xuất tập trung tạo ra lượng sản phẩm lớn. Do quy mô nhỏ nên một số doanh nghiệp, HTX chưa tiếp cận được với cơ chế, chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh vì không đạt tiêu chí hỗ trợ. Mức độ đầu tư thâm canh còn thấp, chất lượng sản phẩm chưa thật sự đáp ứng yêu cầu cao của thị trường, chưa đảm bảo các điều kiện để phát triển bền vững. Năng suất nhiều loại cây trồng tăng, nhưng còn thấp so với tiềm năng, lợi thế của địa phương.

- Mặc dù diện tích rừng trồng đạt và vượt chỉ tiêu được giao tuy nhiên vẫn chưa tạo thành vùng nguyên liệu tập trung phục vụ chế biến gỗ do việc đầu tư còn manh mún, nhỏ lẻ; việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất lâm nghiệp còn hạn chế.

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước hạn hẹp chưa đáp ứng nhu cầu thực hiện nhiệm vụ giao; bên cạnh đó chưa thu hút được nhiều vốn đầu tư của các doanh nghiệp vào sản xuất nông lâm nghiệp.

- Việc thực hiện Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp còn lúng túng, chủ trì liên kết chủ yếu là các Hợp tác xã chưa hiểu rõ các chính sách của nhà nước do vậy khi đăng ký danh mục dự án và triển khai thực hiện dự án còn gặp nhiều khó khăn.

2. Mục tiêu

- Góp phần đảm bảo đạt mục tiêu về tổng sản lượng lương thực có hạt vụ xuân năm 2022 là 1.962 tấn.

- Đảm bảo thực hiện diện tích các loại cây trồng theo kế hoạch.

- Tập trung đầu tư thâm canh tăng năng suất và gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm đối với các loại cây trồng như nghệ, chuối, mơ...

- Cây ăn quả: Đầu tư thâm canh tăng năng suất, chất lượng và đạt các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, ATTP...

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa trong năm 2022 và tiếp tục duy trì diện tích đã chuyển đổi từ năm 2018 - 2021. Thực hiện các công thức luân canh để đạt mức thu nhập từ 100 triệu đồng/ha/năm.

- Đảm bảo các mục tiêu chăn nuôi, thủy sản năm 2022, cụ thể:

+ Đàn đại gia súc 523 con, trong đó: Số con hiện có 340 con; số con xuất bán, giết mổ 183 con.

+ Đàn lợn 16.270 con; trong đó số xuất bán, giết mổ 11.220 con.

+ Đàn gia cầm 232.560 con; trong đó số xuất bán, giết mổ 130.560 con.

+ Đàn dê 660 con; trong đó số xuất bán, giết mổ 357 con.

+ Sản lượng thịt hơi các loại xuất chuồng 503 tấn.

+ Phát triển ít nhất 01 trang trại chăn nuôi lợn theo quy mô vừa và nhỏ.

- Phấn đấu đảm bảo các mục tiêu về trồng rừng và sản lượng gỗ khai thác năm 2022, cụ thể:

+ Trồng rừng đạt 155 ha, trong đó trồng rừng phân tán 30 ha; trồng lại rừng sau khai thác và các chương trình dự án 120 ha.

+ Sản lượng gỗ khai thác đạt: 18.000 m^3.

3. Kế hoạch sản xuất vụ Xuân năm 2022

3.1. Trồng trọt

- Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt đạt 380 ha; tổng sản lượng lương thực có hạt là 1.962 tấn; trong đó ưu tiên phát triển các giống lúa chất lượng và các giống ngô năng suất cao phù hợp với điều kiện sinh thái và trình độ canh tác.

- Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa năm 2022 là 5 ha, tiếp tục duy trì diện tích đã chuyển đổi năm 2018 - 2021 là 38 ha.

- Diện tích cây chất bột đạt 7 ha, bao gồm khoai lang, khoai môn.

- Diện tích trồng rau, đậu các loại 105 ha.

- Cây công nghiệp ngắn ngày: Tổng diện tích trồng cây công nghiệp ngắn ngày vụ Xuân 52 ha, gồm cây lạc, cây nghệ.

- Cây chè: Chăm sóc 15 ha chè hiện có để đảm bảo sản lượng chè búp tươi thu được (cả năm) đạt 59 tấn.

- Cây ăn quả:

+ Cây cam, quýt: Chăm sóc diện tích 88 ha để đảm bảo diện tích cho thu hoạch là 64 ha, sản lượng 520 tấn. Trong đó, cây cam tổng diện tích 28 ha, diện tích cho thu hoạch 14 ha, sản lượng 115 tấn; cây quýt tổng diện tích 60 ha, diện tích cho thu hoạch 150 ha, sản lượng 405 tấn.

+ Cây hồng không hạt: Chăm sóc diện tích 20 ha để đảm bảo diện tích cho thu hoạch 10 ha, sản lượng 60 tấn.

+ Cây mơ: Trồng, chăm sóc diện tích 160 ha hiện có để đảm bảo diện tích cho thu hoạch 40 ha, sản lượng 256 tấn.

+ Cây chuối: Trồng, chăm sóc diện tích 160 ha để đảm bảo sản lượng 1.200 tấn.

- Thâm canh, tăng vụ để diện tích đất nông nghiệp đạt 100 triệu đồng/ha trở lên trong năm 2022 trên địa bàn đạt 220 ha.

3.2. Chăn nuôi, thủy sản

- Chăn nuôi, thú y:

+ Chăn nuôi: Tăng cường công tác chăm sóc, nuôi dưỡng bảo vệ sức khỏe cho đàn vật nuôi; đối với các xã, phường chưa đủ điều kiện tái đàn lợn theo quy định cần xác định loài vật nuôi phù hợp thay thế, đặc biệt là phát triển chăn nuôi trâu, bò, gia cầm,... để bù đắp sản lượng thịt hơi thiếu hụt do không thể tái đàn lợn; các xã, phường đã công bố hết bệnh DTLCP và có đủ điều kiện bảo đảm chăn nuôi an toàn sinh học, khuyến khích người chăn nuôi tái đàn lợn để đảm bảo sản lượng; hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi theo hướng chăn nuôi an toàn sinh học và thực hiện tốt công tác phát triển chăn nuôi 6 tháng đầu năm 2022.

+ Thú y: Xây dựng Phương án phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và động vật thủy sản trên địa bàn năm 2022, chuẩn bị vật tư thú y, vắc xin và thực hiện tiêm phòng định kỳ đợt 1 cho đàn vật nuôi năm 2022 đảm bảo tiến độ. Tổ chức thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật, thủy sản, đặc là bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, bệnh Viêm da nổi cục trâu, bò... không để dịch lây lan trên địa bàn, thực hiện tốt công tác kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ hạn chế dịch bệnh lây lan qua đường vận chuyển; kiểm tra, giám sát điều kiện chăn nuôi, điều kiện vệ sinh thú y của các cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ theo quy định.

- Thủy sản: Tiến hành thu hoạch đối với các diện tích nuôi cá đã đủ kích cỡ; cải tạo, mở rộng diện tích nuôi trồng, tập trung thực hiện tốt việc tăng năng suất, sản lượng thông qua các biện pháp kỹ thuật thâm canh trong chăm sóc, nuôi trồng để đảm bảo mục tiêu sản lượng năm 2022.

3.3. Trồng rừng và chăm sóc rừng

- Trồng rừng: 155 ha.

- Khai thác gỗ và lâm sản: Gỗ 18.000 m3; củi 5.000 Stc; luồng, vầu 650 tấn; nứa 130 tấn.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Tăng cường công tác lãnh đạo chỉ đạo, đề ra các giải pháp nhằm hoàn thành các mục tiêu của Đề án Cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến 2033 (Đề án). Các chỉ tiêu cần đạt tại các Kế hoạch của UBND thành phố Bắc Kạn, gồm: số 220/KH-UBND ngày 03/11/2021 về phát triển vùng nguyên liệu tập trung phục vụ chế biến gỗ, tre, nứa thành phố Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025; số 107/KH-UBND ngày 29/04/2021 về phát triển cây ăn quả đặc sản trên địa bàn thành phố Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025; số 219/KH-UBND

ngày 03/11/2021 về phát triển nông, lâm nghiệp gắn với phát triển du lịch trên địa bàn thành phố Bắc Kạn, giai đoạn 2021-2025; số 54/KH-UBND ngày 11/3/2021 về phát triển chăn nuôi trâu, bò, lợn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2021-2025. Kế hoạch tổng thể phát triển dược liệu tỉnh Bắc Kạn, Kế hoạch phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Chủ động, quyết liệt trong công tác chỉ đạo sản xuất, đặc biệt cấp cơ sở, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho người dân. Tăng cường tuyên truyền, vận động người dân thay đổi phương thức sản xuất từ quy mô hộ nhỏ lẻ sang liên kết sản xuất hình thành hợp tác xã hoặc liên kết với hợp tác xã, doanh nghiệp; tổ chức sản xuất theo kế hoạch và yêu cầu của thị trường.

- Tăng cường hướng dẫn cho người dân về kỹ thuật trong trồng trọt, kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng, phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi và nuôi trồng thủy sản đảm bảo sản xuất an toàn, hiệu quả. Chỉ đạo điều hành sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thời vụ phù hợp với điều kiện thực tế điều kiện của địa phương.

- Tiếp tục ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và cơ giới hóa vào sản xuất và triển khai nhân rộng các mô hình sản xuất mới có hiệu quả kinh tế cao; tăng cường sản xuất gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm.

- Tăng cường kêu gọi, hợp tác với các doanh nghiệp lớn để hỗ trợ, phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp hữu cơ gắn với sản xuất, chế biến và tiêu thụ trong nước, tiến tới xuất khẩu.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất. Đồng thời, nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ, phục vụ sản xuất và tăng cường giới thiệu, quảng bá các sản phẩm nông, lâm nghiệp của tỉnh.

- Tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng chống bệnh trên đàn vật nuôi, đặc biệt bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, bệnh Viêm da nổi cục trâu, bò.

2. Trồng trọt

- Bố trí bộ giống lúa phù hợp theo từng vùng sản xuất, những giống có cùng thời gian sinh trưởng và đặc điểm sinh học giống nhau cần bố trí tập trung tạo vùng sản xuất với diện tích lớn để thuận lợi cho chăm sóc và thu hoạch; không bố trí nhiều giống trên một cánh đồng; ưu tiên sử dụng các giống có năng suất, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh, phù hợp với khả năng đầu tư thâm canh của địa phương.

- Rà soát lại diện tích đất lúa ở từng cánh đồng, xác định diện tích chuyển đổi đất lúa sang cây trồng có giá trị cao hơn trên cơ sở tuân thủ các quy định của Chính phủ về chuyển đổi đất lúa.

- Hướng dẫn nông dân gieo trồng đảm bảo theo khung thời vụ đối với từng loại cây trồng; thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật từ khâu gieo trồng, chăm sóc đến thu hoạch.

- Làm tốt công tác dự tính, dự báo sâu bệnh; tham mưu kịp thời cho các cấp, ngành chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh đảm bảo an toàn, hiệu quả; quản lý tốt chất lượng thuốc bảo vệ thực vật.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật đối với sản xuất kinh doanh giống cây trồng, vật tư nông nghiệp.

- Tham mưu tổ chức thực hiện tốt Đề án Cơ cấu lại ngành nông nghiệp qua việc triển khai thực hiện các Kế hoạch, Quyết định của Thành phố và cấp Tỉnh.

3. Chăn nuôi, thủy sản

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển chăn nuôi trâu, bò, lợn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2021 -2025; khuyến kích đầu tư của các doanh nghiệp *(xã hội hóa)* vào chăn nuôi, xây dựng các cơ sở chế biến, giết mổ tập trung để thúc đẩy sản xuất.

- Khuyến khích chuyển đổi phương thức sản xuất chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi hàng hóa tập trung theo hướng trang trại, gia trại để sản xuất hàng hóa theo chuỗi liên kết có sự tham gia đầu tư, kết nối thị trường của các doanh nghiệp và các hợp tác xã để hạn chế dịch bệnh, ổn định đầu ra cho sản phẩm, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm của ngành chăn nuôi *(đặc biệt đối với chăn nuôi gia cầm, thủy cầm)*.

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định điều kiện về đầu tư, xây dựng các trang trại chăn nuôi của các công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã,.. đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi đại gia súc, lợn, gia cầm trên địa bàn để phát triển chăn nuôi.

- Tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch Phát triển chăn nuôi trâu, bò, lợn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Đa dạng hóa phương thức chăn nuôi; tận dụng nguồn sản phẩm phụ trong nông nghiệp tại địa phương kết hợp với sử dụng thức ăn công nghiệp làm thức ăn phục vụ sản xuất chăn nuôi.

- Đối với công tác nuôi trồng thủy sản cần thay đổi phương thức nuôi từ quảng canh sang quảng canh cải tiến, bán thâm canh và sử dụng nuôi một số giống đạt năng suất, phù hợp với thị trường người tiêu dùng.

- Nâng cao chất lượng công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi, thủy sản thông qua việc nâng cao tỷ lệ tiêm phòng vắc xin phòng, chống dịch bệnh; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về dịch bệnh và các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các tổ chức, các hộ chăn nuôi trong việc thực hiện phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi.

4. Lâm nghiệp

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các mục tiêu tại Kế hoạch về phát triển vùng nguyên liệu tập trung phục vụ chế biến gỗ, tre, nứa giai đoạn 2021-2025.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; quản lý, bảo vệ tốt toàn bộ diện tích rừng tự nhiên hiện có. Tăng cường chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm bám nắm địa

bàn được phân công, theo hướng quản lý rừng "tận gốc", phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp ngay tại cơ sở; tập trung bảo vệ rừng, ngăn chặn khai thác trái phép gỗ rừng tự nhiên, đồng thời thực hiện nghiêm việc tạm dừng khai thác cây gỗ tự nhiên mọc xen trong diện tích rừng trồng và chống chặt phá rừng để lấy đất sản xuất, trồng rừng, chuyển sang mục đích khác.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sử dụng rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định; kiểm tra, hướng dẫn thực hiện hiệu quả chính sách, chương trình, dự án về lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh bao gồm giao khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng; hỗ trợ cộng đồng thôn bản vùng đệm các khu rừng đặc dụng...

- Chỉ đạo, hướng dẫn và đôn đốc việc trồng lại rừng sau khai thác phải thực hiện ngay vụ kế tiếp, căn cứ điều kiện lập địa, địa hình để khuyến cáo chủ rừng lựa chọn các loài cây phù hợp có năng suất chất lượng cao.

- Chỉ đạo thực hiện chăm sóc tốt diện tích rừng trồng đang trong chu kỳ chăm sóc và rừng trồng những năm trước đây; hướng dẫn, chỉ đạo người dân thực hiện chăm sóc tái sinh chồi cây Mỡ theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Huy động người dân địa phương tích cực trồng lại rừng sau khai thác bảo đảm đúng khung thời vụ; khuyến khích các tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan đoàn thể, các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, bản đẩy mạnh việc trồng cây phân tán.

5. Công tác thuỷ lợi

Chỉ đạo các địa phương, đơn vị tăng cường công tác quản lý, vận hành các công trình thủy lợi, đặc biệt là các hồ chứa để đảm bảo nguồn nước tưới; đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi, tập trung sửa chữa nạo vét hệ thống kênh mương, bảo dưỡng sửa chữa các trạm bơm và máy bơm; xây dựng kế hoạch tưới, phương án phòng, chống thiên tai và tăng cường công tác kiểm tra các công trình thủy lợi để đảm bảo dẫn nước tưới phục vụ sản xuất vụ Xuân năm 2022.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế thành phố

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về sản xuất nông lâm nghiệp vụ Xuân năm 2021 trên địa bàn.

- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng nông sản; kiểm tra việc chấp hành pháp luật đối với sản xuất kinh doanh giống cây trồng, vật tư nông nghiệp; công tác kiểm tra và lấy mẫu giám sát sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn.

- Tham mưu tổ chức kiểm tra các đơn vị trong thực hiện Phương án sản xuất vụ Xuân năm 2022 và tổng hợp định kỳ hàng tháng, quý báo cáo cấp trên kết quả thực hiện Phương án sản xuất theo quy định.

2. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thành phố

- Chủ trì phối hợp với các xã, phường và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các chỉ tiêu phát triển nông lâm nghiệp được giao trong năm 2022

- Hướng dẫn người dân sản xuất đảm bảo thời vụ, cơ cấu các loại cây trồng, các biện pháp kỹ thuật, đẩy nhanh việc chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, tập trung vào các cây trồng chủ lực có giá trị kinh tế cao.

- Hướng dẫn các địa phương thực hiện các biện pháp kỹ thuật canh tác, biện pháp quản lý dịch hại trên cây trồng; thực hiện công tác dự tính, dự báo tình hình phát sinh phát triển của sâu, bệnh hại và có phương án phòng, chống dịch kịp thời.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn đến nông dân về sử dụng các giống lúa thuần, giống lúa tiến bộ kỹ thuật có năng suất, chất lượng đưa vào sản xuất; áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất cây trồng để nâng cao hiệu quả kinh tế; lựa chọn các giống cây trồng phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng để khuyến cáo đến người dân, như giống có khả năng chịu hạn, chịu úng, giống có khả năng thâm canh...

- Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tốt công tác phát triển chăn nuôi và các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, đói, rét cho đàn vật nuôi trong vụ Xuân năm 2022 đạt hiệu quả. Chuẩn bị đầy đủ vật tư, vật lực để thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi trên địa bàn.

3. Hạt Kiểm lâm thành phố

- Chủ trì phối hợp với các xã, phường và các đơn vị liên quan triển khai, thực hiện các chỉ tiêu phát triển nông lâm nghiệp được giao trong năm 2022.

- Tăng cường chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, quản lý hoạt động của cơ sở sản xuất cây giống, chất lượng cây giống lâm nghiệp đưa vào trồng rừng; kiểm tra, giám sát công tác tổ chức trồng rừng, nghiệm thu trồng, chăm sóc rừng có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân.

- Chuẩn bị đầy đủ số lượng, chủng loại cây giống, hiện trường trồng rừng đảm bảo theo kế hoạch.

- Chỉ đạo, kiểm tra các tổ chức, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định về chuyển mục đích sử dụng rừng.

4. Trạm Quản lý thủy nông thành phố

- Theo dõi, quản lý, vận hành, điều tiết nguồn nước và phối hợp với UBND các xã, phường kiểm tra, sửa chữa, nạo vét kênh mương, phát dọn, khơi thông dòng chảy; bảo dưỡng sửa chữa các trạm bơm và máy bơm; hướng dẫn các biện pháp tưới tiêu hợp lý.

- Phối hối với phòng Kinh tế thành phố xây dựng phương án phòng chống hạn đảm bảo kế hoạch sản xuất vụ Xuân năm 2022.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố

Phối hợp với phòng Kinh tế thành phố tham mưu cho UBND thành phố có phương án hỗ trợ kịp thời công tác sản xuất nông, lâm nghiệp, công tác phòng chống thiên tai, dịch bệnh và phòng chống cháy rừng...

6. Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thông thành phố

Tăng cường thời lượng phát sóng, thông tin tuyên truyền về các biện pháp kỹ thuật, ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ; công tác quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; biện pháp phòng chống thiên tai, dịch bệnh trong sản xuất nông lâm nghiệp.

7. UBND các xã, phường

- Chủ động xây dựng và triển khai phương án phòng chống dịch bệnh, đói rét trên cây trồng, vật nuôi phù hợp với thực tiễn tại địa phương. Chỉ đạo quyết liệt công tác phòng chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, bệnh Viêm da nổi cục trâu bò, không để dịch tái phát trở lại tại các địa bàn đã công bố hết dịch, tập trung khoanh vùng xử lý triệt để ổ dịch trên địa bàn quản lý.

- Lập kế hoạch thực hiện trồng cây phân tán, tổ chức cho các đối tượng tham gia đăng ký trồng, trong đó xác định rõ địa điểm trồng, thời gian trồng, loài cây *(cơ cấu cây trồng là các loài cây gỗ lớn như: Lát hoa, trám trắng, trám đen, tông dù, sấu, giổi xanh, xoan ta...).*

- Tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực chuyển đổi tổ chức sản xuất theo mô hình sản xuất tổ hợp tác, nhóm hộ hoặc hợp tác xã để sản xuất các sản phẩm nông lâm nghiệp theo hướng hàng hóa, đảm bảo đáp ứng về số lượng, chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo nhu cầu của thị trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra, tuyên truyền, hướng dẫn, vận động hộ dân thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn; kiểm soát dịch bệnh trên đàn vật nuôi; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch được giao; trên cơ sở đó hằng tháng tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất các giải pháp phù hợp.

Trên đây là nội dung Phương án sản xuất vụ Xuân năm 2022 của UBND thành phố Bắc Kạn. Đề nghị các phòng, ban thành phố và UBND các xã, phường triển khai thực hiện, đảm bảo đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra; trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc kịp thời thông báo về UBND thành phố *(qua Phòng Kinh tế)* để thống nhất cách giải quyết./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Diệp

PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP - THUỶ SẢN NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 3174 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của UBND thành phố Bắc Kạn)

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Tổng số	Dương Quang	Nông Thượng	Xuất Hoá	Huyền Tụng	Đức Xuân	Sông Cầu	Minh Khai	Chí Kiên
I	**TRỒNG TRỌT**										
1	**CÂY LƯƠNG THỰC CÓ HẠT**	*Ha*	*380*	*92*	*66*	*81*	*120*	*12*	*5*	*3*	*1*
*	***Sản lượng lương thực có hạt***	*Tấn*	*1.962*	*470*	*342*	*419*	*628*	*58*	*25*	*16*	*5*
	Trong đó: + Thóc	Tấn	*1.512*	*335*	*270*	*324*	*529*	*22*	*16*	*16*	-
	+ Ngô	Tấn	*450*	*135*	*72*	*95*	*99*	*36*	*9*	-	*5*
1.1	**Cây lúa vụ xuân**										
	+ Diện tích	*Ha*	*280*	*62*	*50*	*60*	*98*	*4*	*3*	*3*	
	+ Năng suất	Tạ/ha	54	54	54	54	54	54	54	54	
	+ Sản lượng	Tấn	1.512	335	270	324	529	22	16	16	
	Trong đó: Diện tích sử dụng giống lúa chất lượng (HT1, QR1,	Ha	20	5	5	5	5				
1.2	**Cây ngô vụ xuân**										
	+ Diện tích	*Ha*	*100*	*30*	*16*	*21*	*22*	*8*	*2*		*1*
	+ Năng suất	Tạ/ha	45	45	45	45	45	45	45	45	45
	+ Sản lượng	Tấn	450	135	72	95	99	36	9	0	5
1.3	***Diện tích chuyển đổi***	*Ha*	*43*	*13*	*10*	*6*	*12*	*1*	*1*		
	Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa năm 2022	Ha	5	1	1,3	1,2	1,5				
	Duy trì diện tích đã chuyển đổi của năm 2018-2021	Ha	38	12	9	5	10	1	1		
2	**CÂY CHẤT BỘT**	**Ha**	**7**	**2**	**1,5**	**1,5**	**2**				

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Tổng số	Dương Quang	Nông Thượng	Xuất Hoá	Huyền Tụng	Đức Xuân	Sông Cầu	Minh Khai	Chí Kiên
2.1	***Cây khoai lang: + Diện tích***	***Ha***	***5***	***1,5***	***1***	***1***	***1,5***				
	+ Năng suất	Tạ/ha	80	80	80	80	80				
	+ Sản lượng	Tấn	40	12	8	8	12				
2.2	***Cây khoai môn: + Diện tích***	***Ha***	***2***	***0,5***	***0,5***	***0,5***	***0,5***				
	+ Năng suất	Tạ/ha	85	85	85	85	85				
	+ Sản lượng	Tấn/ha	17	4,3	4,3	4,3	4,3				
3	**RAU, ĐẬU CÁC LOẠI**	**Ha**	**105**	**25**	**25**	**17**	**26**	**4**	**4**	**2**	**2**
3.1	***Cây rau: +Diện tích***	***Ha***	***100***	***23,5***	***24***	***16***	***25***	***4***	***4***	***2***	***2***
	+ Năng suất	Tạ/ha	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	+ Sản lượng	Tấn	1.000	235	240	160	245	40	40	20	20
3.2	***Cây đậu đỗ: + Diện tích***	***Ha***	***5***	***1,25***	***1,25***	***1,25***	***1,25***				
	+ Năng suất	Tạ/ha	13	13	13	13	13				
	+ Sản lượng	Tấn	7	1,63	1,63	1,63	1,63		-		
4	**CÂY CÔNG NGHIỆP**	**Ha**	**67**	**7**	**41**	**4**	**11**	**4**	**1**		
4.1	***Cây lạc: + Diện tích***	***Ha***	***2***	***1***			***1***				
	+ Năng suất	Tạ/ha	18,5	18,5			18,5				
	+ Sản lượng	Tấn	4	2			2				
4.2	***Cây nghệ: + Diện tích***	***Ha***	***50***	***4***	***40***	***3***	***3***				
	+ Năng suất	Tạ/ha	200	200	200	200	200				
	+ Sản lượng	Tấn	1.000	80	800	60	60				
4.3	***Cây chè: + Diện tích***	***Ha***	***15***	***1,5***	***1,1***	***0,8***	***7,2***	***3,6***	***0,8***		
	+ Năng suất	Tạ/ha	39	39	39	39	39	39	39		
	+ Sản lượng (búp tươi)	Tấn	59	6	4	3	28	14	3		

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Tổng số	Dương Quang	Nông Thượng	Xuất Hoá	Huyền Tụng	Đức Xuân	Sông Cầu	Minh Khai	Chí Kiên
5	CÂY ĂN QUẢ										
5.1	***Cây cam, quýt: + Diện tích***	***Ha***	***88***	***14***	***41***	***17***	***2***	***13***	***1***		
	Diện tích cho thu hoạch	Ha	64	9	28	15	1	11	0		
	+ Năng suất	Tạ/ha	81,2	81,2	81,2	81,2	81,2	81,2	81,2		
	+ Sản lượng	Tấn	520	71	226	122	8	92	2		
	Diện tích thâm canh, cải tạo	*Ha*	*12*	*2*	*7*	-	-	*3*	-		
	Diện tích được chứng nhận đảm bảo ATTP hoặc VietGAP	*Ha*	*20*	*5*	*5*	*5*	-	*5*	-		
a	***Cây cam: Diện tích***	***Ha***	***28***	***5,8***	***13***	***1,3***	***0,5***	***7,4***			
	Diện tích cho thu hoạch	Ha	14	3,7	2,5	1,0	0,5	6,3			
	+ Năng suất	Tạ/ha	82	82	82	82	82	82			
	+ Sản lượng	Tấn	115	30	21	8	4	52			
	Trong đó: Diện tích thâm canh, cải tạo	***Ha***	***12***	***2***	***7***			***3***			
b	***Cây quýt: Diện tích***	***Ha***	***60***	***8***	***28***	***16***	***1***	***6***	***0,5***		
	Diện tích cho thu hoạch	Ha	***50***	5	25,3	14	0,5	5	0,2		
	+ Năng suất	Tạ/ha	81	81	81	81	81	81	81		
	+ Sản lượng	Tấn	405	41	205	113	4	41	2		
	Trong đó: Diện tích được chứng nhận đảm bảo ATTP	Ha	20	5	5	5		5			
5.2	***Cây hồng không hạt: Diện tích***	***Ha***	***20***	***3,5***	***7***	***7,5***	***1,5***				
	Diện tích cho thu hoạch	Ha	***10***	0,5	3,3	5,5	0,7				
	+ Năng suất	Tạ/ha	60	60	60	60	60				
	+ Sản lượng	Tấn	60	3,0	19,8	33	4				

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Tổng số	Dương Quang	Nông Thượng	Xuất Hoá	Huyền Tụng	Đức Xuân	Sông Cầu	Minh Khai	Chí Kiên
5.3	***Cây mơ: Diện tích***	***Ha***	***160***	***55***	***35***	***57***	***12***	***0,2***	***0,7***		***0,1***
	Diện tích cho thu hoạch	Ha	***40***	12	7	20	0,7	0,2			0,1
	+ Năng suất	Tạ/ha	64	64	64	64	64	64			64
	+ Sản lượng	Tấn	256	77	45	128	4	1	-	-	1
	Diện tích được chứng nhận đảm bảo ATTP	Ha	10	4	2	4					
	Diện tích thâm canh, cải tạo	Ha	30	10	10	10					
	Diện tích trồng mới	Ha	71	20	20	20	11				
5.4	***Cây chuối: + Diện tích***	***Ha***	***160***	***69***	***26***	***30***	***27***	***5***	***2***	***0,8***	***0,2***
	+ Diện tích cho thu hoạch	***Ha***	***120***	***59***	***16***	***20***	***17***	***5***	***2***	***0,8***	***0,2***
	+ Năng suất	Ha	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	+ Sản lượng	Tạ/ha	1.200	590	160	200	170	50	20	8	2
	Diện tích được chứng nhận đảm bảo ATTP	Ha	30	20	2	6	2				
	Diện tích trồng mới	Ha	40	10	10	10	10				
6	**Diện tích đất canh tác đạt 100 triệu đồng/ha trở lên**	Tấn	***220***	***51***	***52***	***48***	***52***	***7***	***6***	***2***	***2***
II	**CHĂN NUÔI**										
1	**Tổng đàn**	**Con**	**250.013**	**34.554**	**37.661**	**34.852**	**44.046**	**35.444**	**27.707**	**18.289**	**17.461**
1.1	***Đối với đàn đại gia súc***	***Con***	***523***	***90***	***89***	***43***	***289***	***12***			
-	*Tổng đàn hiện có*	*Con*	*340*	*58*	*58*	*28*	*190*	*6*			
+	Đàn trâu	Con	253	58	50	25	120				
	Mục tiêu thực hiện 6 tháng	Con	218	50	43	22	103				
+	Đàn bò	Con	81		8	3	70				
	Mục tiêu thực hiện 6 tháng	Con	72	0	7	3	62				

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Tổng số	Dương Quang	Nông Thượng	Xuất Hoá	Huyền Tụng	Đức Xuân	Sông Cầu	Minh Khai	Chí Kiên
+	Đàn ngựa	Con	6					6			
	Mục tiêu thực hiện 6 tháng	Con	5					5			
-	*Số con xuất chuồng*	*Con*	*183*	*32*	*31*	*15*	*99*	*6*			
	Mục tiêu thực hiện 6 tháng	*Con*	*57*	*10*	*10*	*5*	*31*	*1*			
+	Trong đó: Trâu	*Con*	133	31	26	13	63				
	Mục tiêu thực hiện 6 tháng	*Con*	41	9	8	4	20				
+	Bò	*Con*	40		4	1	35				
	Mục tiêu thực hiện 6 tháng	*Con*	16		2		14				
+	Ngựa	*Con*	10	1	1	1	1	6			
-	*Sản lượng thịt hơi*	*Tấn*	41	*7*	*7*	*3*	*22*	*1*			
	Mục tiêu thực hiện 6 tháng	*Tấn*	13	*2,2*	*2,2*	*1,1*	*7*	*0,4*			
+	Trong đó: Trâu	Tấn	31	7	6	3	15				
	Mục tiêu thực hiện 6 tháng	Tấn	10	2,3	1,9	1	4,9				
+	Bò	Tấn	8		1		7				
	Mục tiêu thực hiện 6 tháng	Tấn	3	-	0,3	-	2,7				
+	Ngựa	Tấn	2	0,2	0,2	0,2	0,2	1,2			
1.2	***Đối với đàn lợn***	***Con***	***16.270***	***1.043***	***1.687***	***2.022***	***966***	***7.371***	***1.365***	***1.236***	***580***
-	Số con hiện có	Con	5.050	324	524	628	300	2.289	421	384	180
	Mục tiêu thực hiện 6 tháng	Con	3.788	243	393	471	225	1.717	316	288	135
-	Số con xuất chuồng	Con	11.220	719	1.163	1.394	666	5.082	944	852	400
	Mục tiêu thực hiện 6 tháng	Con	4.825	309	500	600	286	2.185	406	367	172
-	Sản lượng thịt hơi	Tấn	785	50	81	98	45	357	66	60	28
	Mục tiêu thực hiện 6 tháng	Tấn	338	22	35	42	19	154	28	26	12

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Tổng số	Dương Quang	Nông Thượng	Xuất Hoá	Huyền Tụng	Đức Xuân	Sông Cầu	Minh Khai	Chí Kiên
1.3	***Đối với đàn dê***	***Con***	***660***	***110***	***157***	***93***	***189***	***17***	***61***	***-***	***33***
-	Số con hiện có	Con	303	50	72	43	87	8	28		15
	Mục tiêu thực hiện 6 tháng	Con	233	38	55	33	67	6	22	-	12
-	Số con xuất chuồng	Con	357	60	85	50	102	9	33	-	18
	Mục tiêu thực hiện 6 tháng	Con	171	29	41	24	49	4	16	-	8
-	Sản lượng thịt hơi	Tấn	7	1,2	1,7	1,0	2,0	0,2	0,6	-	0,3
	Mục tiêu thực hiện 6 tháng	Tấn	3	0,5	0,7	0,4	0,9	0,1	0,3	-	0,1
1.4	***Đối với đàn gia cầm***	***Con***	***232.560***	***33.311***	***35.728***	***32.693***	***42.602***	***28.044***	***26.282***	***17.052***	***16.849***
-	Số con hiện có	Con	102.000	14.610	15.670	14.339	18.685	12.300	11.527	7.479	7.390
	Mục tiêu thực hiện 6 tháng	Con	109.140	15.633	16.767	15.343	19.993	13.161	12.334	8.003	7.907
-	Số con xuất chuồng	Con	130.560	18.701	20.058	18.354	23.917	15.744	14.755	9.573	9.459
	Mục tiêu thực hiện 6 tháng	Con	74.419	10.660	11.432	10.461	13.632	8.975	8.411	5.457	5.392
-	Sản lượng thịt hơi	Tấn	261	37	40	37	48	31	29	19	19
	Mục tiêu thực hiện 6 tháng	Tấn	149	21	23	21	27	18	17	11	11
2	**Sản lượng thịt hơi các loại**	**Tấn**	**1.095**	**97**	**130**	**139**	**117**	**390**	**96**	**79**	**47**
	Mục tiêu thực hiện 6 tháng	**Tấn**	**503**	**46**	**61**	**65**	**55**	**172**	**46**	**37**	**23**
3	**Phát triển chăn nuôi trang trại lợn**		**1**				**1**				
III	**THỦY SẢN**										
	Diện tích ao nuôi hộ gia đình	***Ha***	***55***	***5***	***15***	***6***	***23***	***2***	***2***	***1***	***1***
	Năng suất	Tạ/ha	22	22	22	22	22	22	22	22	22
	Sản lượng	Tấn	121	11,0	33,0	13,2	50,6	4,4	4,4	2,2	2,2

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Tổng số	Dương Quang	Nông Thượng	Xuất Hoá	Huyền Tụng	Đức Xuân	Sông Cầu	Minh Khai	Chí Kiên
IV	**LÂM NGHIỆP**										
1	**Lâm sản**										
1.1	Gỗ	m3	18.000	2.750	5.000	5.000	5.000	100	100		50
1.2	Củi	Ste	5.000	1.000	1.250	1.280	1.250	200	10		10
1.3	Luồng, vầu	1.000 cây	650	173	150	220	107				
1.4	Nứa	1.000 cây	130			30	100				
2	**Trồng rừng**	**Ha**	**155**	**20**	**43**	**37**	**42**	**8**	**3**	**0**	**1**
2.1	Trồng cây phân tán	Ha	30	5	7	5	7	3	1,4	0,2	1,4
2.2	Trồng lại rừng sau khai thác	Ha	120	15	34	30	34	5	2		
2.3	Trồng mới rừng tập trung theo các chương trình, dự án khác	Ha	5		2	2	1				